TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 5 - 2023
V/v: Không công nhận là vợ chồng, Tranh chấp về nuôi con chung, tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Trần Hữu Hưng

2. ông Hoàng Quang Trung

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Dà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên toà*: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thào Thị D, sinh năm 1982; Địa chỉ: P, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Vàng A C, sinh năm 1982; Địa chỉ: P, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Có mặt;

- *Người có QLNVLQ:*

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mù Cang Chải, Yên Bái; đại diện theo ủy quyền ông Sùng A H – Chức vụ Trưởng phòng kế hoạch Kinh doanh (Giấy ủy quyền số: 01^{A}/UQ-NHNo.MCC ngày 03/01/2023); địa chỉ: tổ 3, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mù Cang Chải; Đại diện theo ủy quyền ông Lê Đức T – Chức vụ Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền số: 03/GUQ-PGD

ngày 03/02/2023); địa chỉ: tổ 3, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Thào A Dờ; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị Thào Thị D trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống đã nay sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C ngoại tình, hay đánh chửi chị D, không chăm lo đến cuộc sống của gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn hòa giải nhưng anh C vẫn không thay đổi, chị D và anh C đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Vàng A C.

2. Về con chung: Có 04 con chung

+ Vàng A C, sinh ngày 08/3/2006;

+ Vàng Thị P, sinh ngày 12/7/2009;

+ Vàng Thị C, sinh ngày 02/10/2015;

+ Vàng Thị M, sinh ngày 09/05/2017;

Hiện các cháu vẫn đang sinh sống cùng với chị D và anh C tại P, xã M. Ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu C; anh C nuôi dưỡng cháu C và M. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung:

Tại biên bản bản hòa giải ngày 29/3/2023 chị D, anh C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thống nhất được việc chia tài sản chung, trả nợ chung. Tại phiên tòa chị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận đó, cụ thể là:

**Chị Thào Thị D được sở hữu, sử dụng, khai thác tài sản là:*

- 01 bộ khung nhà bếp gỗ Pơ Mu và gỗ tạp, không có ván lịa, mái lợp Pro xi măng có diện tích 38,8 m^2, hiện đang dựng ở P, cạnh nhà đang ở.

- 01 mảnh đất ruộng: Gồm 21 thửa, có tổng diện tích 4.830,74 m^2 ; xung quanh giáp ranh giáp đất ruộng hộ ông Vàng A Vàng, đất vườn tạp Giàng A Di và Giàng A Chinh; địa chỉ: bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguồn gốc do bố mẹ chồng để lại; trị giá 50.000.000đ (Có sơ đồ IV kèm theo)

- 01 mảnh đất ở (Đất nền nhà vừa san gạt), chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tổng diện tích là 600 m^2; xung quanh giáp với đất rừng của hộ ông Giàng A Chỉnh,Vàng A Dờ, đất nương ngô hộ ông Giàng A Sình; địa chỉ: P, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc hai vợ chồng mua đất nương rồi san gạt; trị giá 15.000.000đ. (Có sơ đồ V kèm theo).

** Anh Vàng A C được sở hữu, sử dụng, khai thác tài sản là:*

- 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Pro xi măng, nền xi măng, cột và lịa ván đều bằng loại gỗ Pơ mu, gỗ tạp; có diện tích là 137,7 m^2 được dựng trên mảnh đất có tổng diện tích là 1.394 m^2 ; xung quanh giáp đất vườn tạp hộ ông Giàng A Chờ, hộ ông Giàng Giồng Di, đất ở hộ ông Giàng A Chờ, đất ruộng hộ bà Thào Thị Ca; Địa chỉ: bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; đất và nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguồn gốc đất do bố mẹ chồng để lại, nhà do hai vợ chồng tạo dựng; tổng giá trị giá 70.000.000đ. (Có sơ đồ I kèm theo).

- 01 Mảnh đất ruộng: gồm 02 thửa, có tổng diện tích 1223 m^2 (thửa số 1 có diện tích 542 m^2 , thửa thứ 2 có diện tích 681 m^2); Xung quanh giáp ranh giáp đất ruộng hộ ông Sử, ông Thái, ông Hà; Địa chỉ: Bản Háng Bla Ha B, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 70.000.000đ; Nguồn gốc hai vợ chồng mua. (Có sơ đồ II kèm theo)

- 01 mảnh đất ruộng: Gồm 04 thửa, có tổng diện tích 700 m2 ; xung quanh giáp ranh giáp đất ruộng hộ ông Vàng A Dờ, Giàng A Trừ; Địa chỉ: Bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 30.000.000đ; nguồn gốc hai vợ chồng mua. (Có sơ đồ III kèm theo).

- Có trả nhiệm trả toàn bộ gốc và lãi khoản nợ 50.000.0000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Mù Cang Chải và 45.000.000 cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Mù Cang Chải, Yên Bái theo hợp đồng vay vốn.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Vàng A C trình bày:

1 Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận có mỗi quan hệ hôn nhân như chị D trình bầy, nay chị D đề nghị giải quyết ly hôn, anh C xác định cũng không còn tình cảm với chị D nữa, nên nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị D.

2. Về con chung: anh C thừa nhận có 04 con chung như chị D trình bày, tuy nhiên ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu, không đề nghị chị D phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Nhất trí chia tài sản chung và trả 02 khoản nợ chung theo biên bản hòa giải ngày 29/3/2023, như chị D vừa trình bầy ở trên.

Tron quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Mù Cang Chải ông Lê Đức Thắng trình bày: Tại hợp đồng tín dụng số 6600000715550203, mã khách hàng số

1900074724 thì năm 2019 vợ chồng anh Vàng A C và chị Thào Thị D có vay của Ngân hàng khoản vay 50.000.000đ. Nay vẫn còn dư nợ là 50.000.0000đ. Nếu anh C và chị D ly hôn thì phía Ngân hàng cũng nhất trí phương án trả nợ như anh C và chị D đã thỏa thuận thống nhất là nhất trí để anh C trả toàn bộ cả gốc và lãi khoản nợ 50.000.000đ cho Ngân hàng theo quy định.

Tron quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Mù Cang Chải, Yên Bái ông Sùng A Hờ trình bày: Tại hợp đồng tín dụng số 8709LAV202101797 ngày 23/11/2021 thì vợ chồng anh C và chị D có vay ngân hàng 60.000.000đ. Nay đã trả được 15.000.000đ, còn lại là 45.000.000đ. Nếu anh C và chị D ly hôn thì phía Ngân hàng cũng nhất trí phương án trả nợ như anh C và chị D đã thỏa thuận thống nhất là nhất trí để anh C trả toàn bộ cả gốc và lãi khoản nợ 45.000.000đ cho Ngân hàng theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 21/03/2023 tại UBND xã M thể hiện:

Chị D và anh C có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị D và anh C đã trình bày; về điều kiện kinh tế hiện cả chị D và anh C đều không có công việc ổn định, thu nhập chủ yếu từ việc làm ruộng nương và làm thuê.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/03/2023 tại UBND xã M thể hiện:

Chị D và anh C có tài sản chung như đã trình bày trong biên bàn hòa giải ngày 29/3/2023 (Bao gồm cả phần tài sản thỏa thuận chia cho chị D, anh C như đã trình bày ở trên).

Tại các biên bản lấy lời khai đối với cháu Vàng A C, Vàng Thị P, Vàng Thị C ngày 20/02/2023 thể hiện:

Nếu chị D và anh C ly hôn thì cháu C có nguyện vọng được ở cùng với bố, cháu P và cháu C có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá tình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên không thu tiền xem xét thẩm định tại chỗ là vi phạm Điều 155, 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Thào Thị D và anh Vàng A C là vợ chồng; xử để chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu C, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu M, không phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung; về tài sản chung công nhận sự thảo thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cả nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị D và anh C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh C là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Thào Thị D và anh Vàng A C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hiện nay chị D và anh C đều không có công việc ổn định thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nương và làm thuê; Cháu vàng Thị P và cháu Vàng Thị C đều có nguyện vọng ở cùng mẹ; cháu Vàng A C có nguyện vọng ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị D và anh C không thống nhất được người trực tiếp nuôi con, nhưng đều có nguyện vọng được nuôi con, chị D và anh C đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng như nhau. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cũng như nguyện vọng của các cháu Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D giao cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu C, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu M, không ai phải cấp dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung và nợ chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung Hội đồng đồng xét xử thấy quan điểm về việc giải quyết là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

- Đối với ý kiến về việc không thu tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Tòa án xét thấy các đương sự đều là đồng bào dân tộc thiểu sống, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khó khăn, không có điều kiện để nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên việc xem xét thẩm định là cần thiết cho việc giải quyết cho vụ án, nên Tòa án đã chủ động kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành xem xét thẩm định miễn phí cho đương sự để đảm bảo giải quyết dứt điểm

vụ án một cách khách quan, toàn diện bảo, vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người dân.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điển đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 246, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 219; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 59, 62, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận chị Thào Thị D và anh Vàng A C là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cho chị Thào Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị P, sinh ngày 12/7/2009 và cháu Vàng Thị C, sinh ngày 02/10/2015; anh Vàng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng A C, sinh ngày 08/3/2006 và cháu Vàng Thị M, sinh ngày 09/05/2017. Không phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia tài sản chung, cụ thể như sau:

**Chị Thào Thị D được sở hữu, sử dụng, khai thác tài sản gồm:*

- 01 bộ khung nhà bếp gỗ Pơ Mu và gỗ tạp, không có ván lịa, mái lợp Pro xi măng có diện tích 38,8 m^2, hiện đang dựng ở P, cạnh nhà đang ở.

- 01 mảnh đất ruộng: Gồm 21 thửa, có tổng diện tích 4.830,74 m^2 ; xung quanh giáp ranh giáp đất ruộng hộ ông Vàng A Vàng, đất vườn tạp giàng A Di và

Giàng A Chinh; địa chỉ: bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 50.000.000đ *(Có sơ đồ IV kèm theo).*

- 01 mảnh đất ở (Đất nền nhà vừa san gạt), chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tổng diện tích là 600 m^2 ; xung quanh giáp với đất rừng của hộ ông Giàng A Chỉnh,Vàng A Dờ, đất nương ngô họ ông Giàng A Sình; địa chỉ: P, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 15.000.000đ *(Có sơ đồ V kèm theo).*

** Anh Vàng A C được sở hữu, sử dụng, khai thác tài sản gồm:*

- 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Pro xi măng, nền xi măng, cột và lịa ván đều bằng loại gỗ Pơ mu, gỗ tạp; có diện tích là 137,7 m^2 được dựng trên mảnh đất có tổng diện tích là 1.394 m^2 ; Xung quanh giáp ranh với đất vườn tạp hộ ông Giàng A Chờ, hộ ông Giàng Giồng Di, hộ ông Giàng A Chờ, đất ruộng hộ bà Thào Thị Ca; Địa chỉ: bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; đất và nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tổng giá trị giá 70.000.000đ *(Có sơ đồ I kèm theo)*.

- 01 Mảnh đất ruộng: gồm 02 thửa, có tổng diện tích 1223 m^2 (thửa số 1 có diện tích 542 m^2 , thửa thứ 2 có diện tích 681 m^2); Xung quanh giáp ranh giáp đất ruộng hộ ông Sử, Thái, Hà; Địa chỉ: Bản Háng Bla Ha B, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 70.000.000đ *(Có sơ đồ II kèm theo)*.

- 01 mảnh đất ruộng: Gồm 04 thửa, có tổng diện tích 700 m^2 ; xung quanh giáp ranh với đất ruộng hộ ông Vàng A Dờ, Giàng A Trừ; Địa chỉ: Bản Séo Mã Pán, xã M, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 30.000.000đ *(Có sơ đồ III kèm theo)*

4. Về nợ chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể anh Vàng A C có nghĩa vụ:

- Trả toàn bộ số tiền gốc 50.000.0000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh cho phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 6600000715550203, mã khách hàng số 1900074724.

- Trả toàn bộ số tiền gốc 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Mù Cang Chải, Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 8709LAV202101797 ngày 23/11/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Đều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Thào Thị D và anh Vàng A C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý A Hờ